

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2022/DS-PT
Ngày 12 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đến,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 09, 12 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 284/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Thái Như Ng, sinh năm 1994.

1.2. Bà Bùi Tuyết V, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số nhà 38, đường Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 02, Khóm 01, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Anh Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà 335A, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Chung Hữu Tr, sinh năm 1985.

2.2. Chị Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1976.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Ngọc H: Anh Chung Hữu Tr, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Số nhà 209, đường Lê Anh Xuân, Tổ 38, Khóm 3, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Chung Hữu Ng, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 98, Tổ 32, Khóm 4, Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Chung Hữu Tr, chị Huỳnh Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Bùi Tuyết V, chị Thái Như Ng trình bày:

Bà V, chị Ng và vợ chồng của chị H là chỗ làm ăn quen biết từ nhiều năm nay. Chị H và anh Tr có vay của bà V và chị Ng số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 09/3/2016, bà V cho chị H, anh Tr vay số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn trả tiền gốc, lãi là 100 tháng tính từ ngày 09/3/2016 đến ngày 09/6/2024, có làm giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 có chị H ký tên, người làm chứng là bà Phan Như Th. Mỗi tháng chị H, anh Tr phải trả cho bà V số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay là để mua đất, xe và hai quầy bán thịt heo tại chợ nông sản, phường 2, thành phố C. Từ khi vay chị H và anh Tr đã trả góp cho bà V được 10 tháng với số tiền 960.000.000 đồng nhưng sau đó chị H không trả góp hàng tháng cho bà V nữa. Như vậy chị H còn nợ của bà V và chị Ng số tiền 4.040.000.000 đồng (Bốn tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Về lãi suất được tính như sau: Từ ngày 09/4/2018 đến ngày 19/5/2022, lãi suất 1%/tháng số tiền là: 4.040.000.000 đồng x 1% x 49 tháng 10 ngày = 1.993.066.667 đồng.

Tổng gốc và lãi là: 6.033.066.667 đồng.

- Ngày 24/5/2016, chị H có ký và ghi họ tên vào Giấy mượn tiền xác nhận còn nợ của bà V số tiền 2.125.800.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Đây là số tiền được cộng lại từ nhiều khoản vay trước đó, mục đích vay là kinh doanh thịt heo, thời hạn trả là ngày 15/02/2017, nếu quá thời hạn thì bà Hạnh phải chịu lãi suất là 3%/tháng. Từ khi vay đến nay bà Hạnh không trả tiền vốn và lãi.

Về lãi suất: Bà V và chị Ng yêu cầu tính lãi 1.66%/tháng (Từ ngày 15/02/2017 đến ngày 19/5/2022, là 63 tháng 4 ngày) cụ thể là: 2.125.800.000 đồng x 1.66% x 63 tháng 4 ngày = 2.227.866.744 đồng.

Tổng gốc và lãi là: 4.353.666.744 đồng.

- Ngày 22/9/2016, chị H và anh Tr vay bà V và chị Ng số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh thịt heo, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả vào ngày

22/9/2018. Để đảm bảo khoản vay này, chị H và anh Tr làm Tờ thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H số 51A8010738 do Phòng Tài chính kế hoạch TP C cấp ngày 25/3/2014.

Từ khi vay chị H đã trả được số tiền 220.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 80.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà V, chị Ng yêu cầu tính lãi 1.66%/tháng từ ngày 14/11/2019 đến ngày 19/5/2022 là 30 tháng 5 ngày số tiền là 40.061.333 đồng.

Tổng gốc và lãi là 120.061.333 đồng.

Bà V và chị Ng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H đến khi nào chị H và anh Tr trả xong nợ.

- Khoảng đầu tháng 6/2016, chị H và anh Tr có vay của bà V và chị Ng số tiền là 500.000.000 đồng, hạn 02 tháng sẽ trả nhưng đến hạn thì không có tiền trả, không có biên nhận nợ. Đến ngày 22/9/2016, chị H và anh Tr đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà V và chị Ng diện tích đất 37,4m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Lý do chị H và anh Tr chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho bà V và chị Ng là để trừ vào khoản vay 500.000.000 đồng.

Vì chỗ thân tình nên bà V và chị Ng đồng ý cho chị H và anh Tr được nhận lại diện tích đất trên bằng hình thức trả góp số tiền 20.000.000 đồng/tháng. Tính đến ngày 18/12/2018, chị H và anh Tr đã góp được 10 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Sau đó, chị H và anh Tr không còn khả năng trả góp cho bà V và chị Ng nữa.

Vào ngày 02/2/2019, chị H và anh Tr đã xin nợ lại số tiền 300.000.000 đồng và đề nghị trả tiền lãi góp ngày số tiền 167.000 đồng/ngày, tức 01 tháng là 5.010.000 đồng/tháng (tương đương lãi suất 1,66%/tháng). Chị H và anh Tr đã đóng lãi cho bà V và chị Ng đến ngày 20/5/2019 (tức là 3 tháng 18 ngày) số tiền là 18.036.000 đồng.

Nay nguyên đơn đồng ý trừ số tiền 18.036.000 đồng vào tiền gốc. Như vậy, chị H và anh Tr còn nợ tiền gốc là 281.964.000 đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 21/5/2019 đến ngày 19/5/2022 là 35 tháng 28 ngày, lãi suất 1,66%/tháng số tiền là 168.189.646 đồng.

Tổng gốc và lãi là 450.153.646 đồng.

Bà V và chị Ng đồng ý chuyển nhượng lại cho chị H và anh Tr diện tích đất 37,4m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cho đến khi chị H và anh Tr trả xong tiền gốc và tiền lãi.

Nay bà V và chị Ng yêu cầu buộc anh Chung Hữu Tr và chị Huỳnh Ngọc H liên đới trả tổng số tiền gốc và lãi của 04 khoản vay là 10.956.948.390 đồng.

Bị đơn anh Chung Hữu Tr đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Ngọc H trình bày:

- Giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 số tiền 5.000.000.000 đồng thực tế, biên nhận trên là tiền bà V chuyển nhượng căn nhà bán quán tại số 49 Trần Thị Nhượng, Phường 4, thành phố C, Đồng Tháp với giá 3.800.000.000 đồng, bàn ghế 300.000.000 đồng, mượn thêm 700.000.000 đồng để đầu tư quán. Bà V tính tiền lãi là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 5.000.000.000 đồng (trong biên nhận có bà Thủy là người làm chứng ký tên vào biên nhận là số tiền trên để mua nhà không phải là mượn tiền của bà V). Theo như biên nhận ngày 09/3/2016, với hình thức trả góp và có thỏa thuận giảm lãi suất dần nhưng khi góp được 691 ngày cụ thể: $3.350.000 \text{ đồng/ngày} \times 691 \text{ ngày} = 2.314.850.000 \text{ đồng}$ nhưng bà V chỉ trừ tiền gốc số tiền 1.150.000 đồng cho đến ngày 30/4/2017 (có sổ theo dõi bà V ký nhận tiền và có chứng kiến của bà Phan Thu Th). Chị H chỉ có các giấy tờ chứng minh đã đóng đến ngày 03/8/2016 còn từ ngày 04/8/2016 đến ngày 30/4/2017 có gửi tiền cho bà V nhưng bà V không ký nhận vào sổ.

Sau đó chị H quyết định vay tiền của bà Phan Thu Th để trả thêm cho bà V số tiền 3.850.000.000 đồng. Sau khi trả tiền và góp tiền thì bà V làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Chung Hữu Tr đứng tên quyền sử dụng đất (có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà V sang cho anh Tr vào ngày 16/5/2017). Sự việc này có bà Phan Thu Thủy chứng kiến vay tiền để thanh toán cho bà V nhưng bà V không bỏ biên nhận mà lại khởi kiện. Ngày 16/5/2017 khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì tại Phòng công chứng tỉnh Đồng Tháp anh Tr đã gửi tiền mặt cho bà V số tiền 3.850.000.000 đồng.

Do đó, chị H và anh Tr không đồng ý trả khoản nợ này cho bà V vì đã trả xong.

Đối với số tiền 960.000.000 đồng phía nguyên đơn cho rằng là trả tiền của khoản vay 5 tỷ là không đúng vì số tiền này chị H gửi bà V chứ không phải là trả tiền nợ cho bà V.

- Biên nhận ngày 24/5/2016 vay số tiền 2.125.800.000 đồng theo biên nhận ngày 24/5/2016, bà V ghi vay nhiều lần nhưng đây là số tiền vốn và lãi cộng dồn lại mới ra số lẻ. Bà V tự đánh giấy biên nhận và nói chị H ký tên vì lúc đó do mẹ chị H bị bệnh sợ bà V cho mẹ chị H biết nên chị H ký đại và nói để ghi giấy chi tiết sau nhưng bà V không đưa. Bà V cho chị H vay tiền góp, tiền lãi ngày rất cao, bà V có ghi sổ sách theo dõi nhận vốn và lãi và chị H đã trả cho bà V tiền lãi rất nhiều lần. Chị H đã trả dư cho bà V gấp nhiều lần và không còn nợ bà V nữa và anh Tr cũng không biết chị H đã ký biên nhận với bà V nên chị H và anh Tr không đồng ý trả khoản nợ này cho bà V.

- Ngày 22/9/2016, chị H và anh Tr ký tên vào thế chấp tài sản là giấy kinh doanh tên Huỳnh Ngọc H để vay của bà V số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn góp 4 tháng, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng tính ra số tiền 360.000.000 đồng nhưng chị H đã góp được 2 tháng số tiền là 180.000.000 đồng và sau đó chị H trả cho bà V số tiền 1.140.000.000 đồng. Chị H lấy số tiền 1.140.000.000 đồng – 180.000.000 đồng (trả phần còn lại cho khoản vay 300.000.000 đồng cho bà V để trừ vào giấy chị H thế chấp giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh và số tiền 960.000.000 đồng còn lại chị H trả vào biên nhận 2.125.800.000 đồng. Như vậy, chị H không còn nợ của bà V về khoản tiền 300.000.000 đồng, góp 4 tháng số tiền 360.000.000 đồng, chị H đã thanh toán đủ nên chị H và anh Tr không đồng ý trả khoản nợ này cho bà V.

- Vào ngày 22/9/2016, Chị H và anh Tr vay của bà V số tiền 500.000.000 đồng và có đưa cho bà V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 37,4m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nhà và đất). Với cách vay thế chấp như vậy để lãi suất rẻ vì nhà và đất gia đình mẹ chị H là bà Huỳnh Kim H mua nhà và đất gia đình chị H đang sinh sống trong căn nhà mẹ chị H mua từ đó đến nay. Ngoài ra chị H và anh Tr không có căn nhà nào khác.

Ngày 22/9/2016, thực tế chị H có làm giấy tờ thế chấp kinh doanh bà V đưa chị H ký tên, chị H tin tưởng ký và bà V có kèm giấy chuyển nhượng nhà trong đó. Do sơ ý chị H ký tên vào giấy chuyển nhượng nhà mà không hay, chị H và anh Tr xác nhận chưa từng ký chung với Thái Như Ng lần nào.

Ngoài ra, sau khi biết sự việc mẹ chị H cũng đã thỏa thuận với bà V để trả tiền và xin lấy lại căn nhà với giá 480.000.000 đồng, mỗi tháng bà Hương trả cho bà V số tiền 20.000.000 đồng. Bà H đã trả được 9 tháng với số tiền là 180.000.000 đồng và bà V có làm cam kết sẽ chuyển nhượng lại căn nhà và diện tích đất cho bà H sau khi trả đủ số tiền theo cam kết. Nhưng đến ngày 13/01/2019 bà V không đồng ý lấy tiền từ bà H nữa mà khởi kiện chị H và anh Tr để lấy diện tích đất và căn nhà mà chị H và anh Tr đang ở.

Bà V đã lấy vốn và lãi của chị H mỗi tháng 5.000.000 đồng chia ra đóng hàng ngày, mỗi ngày đóng số tiền 167.000 đồng/ngày, chị H đóng đến ngày 20/5/2019 nhưng một thời gian thì bà V khởi kiện.

Nay chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr đồng ý liên đới trả số tiền gốc là 281.964.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Đồng thời, chị H yêu cầu Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/9/2016 và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 14/10/2016.

Ngoài ra, chị H và anh Tr yêu cầu như sau:

Đối với khoản tiền vay 5.000.000.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 chính là số tiền mà chị H và anh Tr đã mua quán cà phê của bà V (diện tích đất và nhà tại số 49 Trần Thị Nhượng, Phường 4, thành phố C).

Chị H góp tiền từ 10/6/2015 đến 30/4/2017 tổng cộng số tiền lãi tính đã đóng dư số tiền là 150.380.027 đồng.

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng bằng 5.000.000 đồng/tháng tương đương với số tiền 167.000 đồng/ngày.

Chị H đã đóng lãi cho bà V mỗi ngày số tiền là 167.000 đồng kể từ ngày 22/9/2016 và đóng tiền lãi liên tục đến ngày 12/4/2018, chị H trả tiền gốc số tiền 20.000.000 đồng còn lại nợ gốc số tiền 480.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì

tiền lãi trên số tiền gốc còn lại là 480.000.000 đồng, mức lãi suất 1%/tháng tương đương 0,0333%/ngày bằng 160.000 đồng. Như vậy, chị H đã đóng dư tiền lãi là 7.000 đồng.

Tính đến ngày 12/4/2018, số tiền gốc còn lại là 479.993.000 đồng.

Đến ngày 13/4/2018, chị H trả tiếp số tiền 20.000.000 đồng còn nợ số tiền gốc là 459.993.000 đồng. Theo thỏa thuận thì tiền lãi trên số tiền gốc còn lại là 459.993.000 đồng, lãi suất 1%/tháng tương đương với mức lãi suất 0,0333%/ngày bằng số tiền 153.331 đồng. Như vậy, chị H đã đóng dư số tiền lãi là 13.669 đồng.

Tính đến hết ngày 13/4/2018, số tiền gốc còn lại là 459.979.331 đồng.

Như vậy, tính đến hết ngày 20/5/2019, chị H và anh Tr chỉ còn nợ của bà V số tiền gốc là 279.361.937 đồng không phải là số tiền 300.000.000 đồng như bà V trình bày. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Tr đồng ý liên đới cùng với chị H trả cho bà V và chị Ng số tiền gốc là 281.964.000 đồng.

Nay chị H và anh Tr yêu cầu buộc bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng liên đới trả tiền lãi đã đóng dư số tiền là 150.380.027 đồng (một trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Từ ngày 11/6/2009 đến ngày 29/01/2016, bà V có cho chị H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 111.047.000.000 đồng (Một trăm mười một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu đồng), thỏa thuận trả góp tiền gốc và lãi hàng ngày cho mỗi khoản tiền vay, mức lãi suất từ 3%/tháng đến 6%/tháng, số tiền góp mỗi ngày và thời gian góp do bà V và chị H tự thỏa thuận theo số tiền vay.

Theo đó, chị H đã trả cho bà V toàn bộ số tiền vay gốc là 111.047.000.000 đồng và 7.567.020.000 đồng tiền lãi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận từ 3% đến 6%/tháng, tức không còn nợ bà V bất kỳ khoản tiền vay nào. Tuy nhiên, tổng số tiền lãi theo mức lãi suất quy định 1,125%/tháng tại thời điểm vay đối với số tiền vay gốc nêu trên chỉ là 2.093.316.375 đồng.

Như vậy, chị H đã trả tiền lãi cho bà V vượt quá mức lãi suất theo quy định với tổng số tiền là 5.473.703.625 đồng (7.567.020.000 đồng - 2.093.316.375 đồng), cụ thể từng khoản tiền vay gốc, thời gian góp, mức lãi suất theo thỏa thuận, tiền lãi đã trả theo mức lãi thỏa thuận và tiền lãi trả vượt quá mức lãi suất theo quy định được thể hiện chi tiết tại “Bảng tính tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định”.

Do đó, nay chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết buộc bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị H, anh Tr số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất theo quy định là 5.473.703.625 đồng (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền chị H và anh Tr yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền tổng cộng là 5.624.083.652 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chung Hữu Ng trình bày:

Vào ngày 10/6/2015, anh Ng có thỏa thuận mua trả góp của bà V căn nhà và diện tích đất số 49 Trần Thị Nhượng, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp số tiền là 5.000.000.000 đồng và trả góp hàng tháng là 100.000.000 đồng trong đó 50.000.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc. Đến khi nào trả đủ thì bà V làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sau khi thỏa thuận xong với bà V, do anh Ng đi làm ăn xa nên đã bàn giao cho chị H và anh Tr kinh doanh quán cà phê và chị H, anh Tr đứng ra trả góp hàng ngày cho bà V. Chị H và anh Tr góp mỗi ngày 3.350.000 đồng mỗi tháng 105.000.000 đồng.

Từ khi anh Ng và bà V ký xong hợp đồng mua bán nhà và đất thì anh Ng không có tham gia vào việc góp tiền. Vì anh Ng đi làm xa và giao lại cho Hạnh và Trí kinh doanh quán cà phê nên sau này bà V chuyển nhượng lại cho Trí và Hạnh.

Đối với biên nhận ngày 09/3/2016 chị H vay của bà V số tiền 5.000.000.000 đồng thì anh Ng không biết.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh Tr đồng ý liên đới trả số tiền gốc là 281.964.000 đồng cho bà V và chị Ng.

Buộc chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr liên đới trả cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng số tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr phải liên đới trả cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng số tiền là 4.923.881.723 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng yêu cầu chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr liên đới trả số tiền gốc và lãi là 6.033.066.667 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp giữa bà Bùi Tuyết V, chị Thái Như Ng và anh Chung Hữu Tr, chị Huỳnh Ngọc H xác lập ngày 22/9/2016.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr yêu cầu bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng liên đới trả số tiền 5.624.083.652 đồng (gồm 5.473.703.625 đồng + 150.380.027 đồng).

Chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích đất 37,4m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại phường 2, thành phố C, tỉnh

Đồng Tháp (Kèm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ngày 14/2/2020).

Bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng có trách nhiệm giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 087986 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 14/10/2016 cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 51A8010738, ngày 25/3/2014 để thi hành quyết định trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/6/2022, chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C. Anh Chung Hữu Tr, chị Huỳnh Ngọc H yêu cầu:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và chị Ng về việc yêu cầu anh Tr và chị H liên đới trả cho bà V và chị Ng số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Tr và chị H yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất của quy định là 5.624.083.652 đồng (gồm 5.473.703.625 đồng + 150.380.027 đồng).

3. Xem xét giải quyết đối với số tiền 960.000.000 đồng mà anh Tr và chị H đã gửi cho bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Chung Hữu Tr đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc Hạnh trình bày:

- Anh Tr, chị H rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 960.000.000 đồng.

- Anh Tr, chị H xin rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả tiền lãi đóng dư của khoản vay từ ngày 11/6/2009 đến ngày 29/01/2016, vay nhiều lần với tổng tiền gốc là 111.047.000.000 đồng là 5.473.703.625 đồng. Việc rút đơn phản tố và kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa hay ép buộc.

- Anh Tr, chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng). Anh Tr và chị H không đồng ý liên đới trả cho bà V và chị Ng số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng). Yêu cầu bà V, chị Ng trả cho anh Tr, chị H số tiền đã

đóng vượt quá mức lãi suất quy định từ ngày 10/6/2015 đến ngày 30/4/2017 của số tiền 5.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 là 150.380.027 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Chung Hữu Tr đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Huỳnh Ngọc H xin rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất của quy định là 5.473.703.625 đồng cho chị H anh Tr và xin rút lại yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 960.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố và kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và được bị đơn đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chị H, anh Tr kháng cáo không đồng ý trả cho bà V, chị Ng số tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng. Tại cuốn sổ chị H cung cấp và theo biên bản đối chất ngày 18/5/2021 bà V thừa nhận trong cuốn sổ do chị H cung cấp có khoản vay 2.125.800.000 đồng và khoản vay 5.000.000.000 đồng. Và theo cuốn sổ này thì chị H, anh Tr đã trả xong hết nợ cho bà V, bà V có gạch chéo. Nhưng vào thời điểm mẹ chị H bệnh, bà V kêu chị H ký giấy mượn tiền ngày 24/5/2016, chị H sợ mẹ chị biết nên mới ký tên vào giấy mượn tiền và có người làm chứng là bà Thủy (là bạn của bà V) xác định khi ký giấy mượn thì bà Thủy không thấy bà V có giao tiền cho chị H, anh Tr. Do đó có cơ sở xác định chị H ký giấy mượn tiền là do chị H bị ép buộc chứ không có việc mượn tiền. Ngoài ra, khoản vay 300.000.000 đồng theo tờ thể chấp tài sản ngày 22/9/2016 chị H, anh Tr đã trả xong nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H, anh Tr.

Đối với giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 là tiền chuyển nhượng căn nhà bán quán tại số 49 Trần Thị Nhượng chứ không phải là tiền vay và được bà Phan Thu Thủy xác nhận là tiền chuyển nhượng quán. Theo như biên nhận ngày 09/3/2016, hình thức trả góp và có thỏa thuận giảm lãi suất dần nhưng khi góp được 691 ngày cụ thể: $3.350.000 \text{ đồng/ngày} \times 691 \text{ ngày} = 2.314.850.000 \text{ đồng}$ nhưng bà V chỉ trừ tiền gốc số tiền 1.150.000.000 đồng cho đến ngày 30/4/2017. Chị H, anh Tr đã góp xong nên ngày 16/5/2017 khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì tại Phòng công chứng tỉnh Đồng Tháp bà V làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Chung Hữu Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó bà V, chị Ng liên đới trả cho anh Tr, chị H số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất quy định từ ngày 10/6/2015 đến ngày 30/4/2017 của số tiền 5.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 là 150.380.027 đồng là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Nguyễn Tuấn Anh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Việc bị đơn xin rút kháng cáo đối với số tiền 960.000.000 đồng và rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền đã đóng vượt quá mức lãi suất của quy định là 5.473.703.625 đồng, bà V đồng ý yêu cầu này của bị đơn. Chị H, anh Tr kháng cáo không đồng ý trả số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là

2.436.117.723 đồng), bà V không đồng ý. Bà V yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh Tr, chị H yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền đã đóng vượt quá mức lãi suất của quy định là 5.473.703.625 đồng. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với số tiền 960.000.000 đồng vì bị đơn rút kháng cáo. Không chấp nhận kháng cáo của anh Tr, chị H đối với số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng). Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của anh Chung Hữu Tr, chị Huỳnh Ngọc H đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của anh Tr, chị H được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng số 01 Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt; anh Chung Hữu Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Tr và chị H:

[2.1] Anh Tr và chị H yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất của quy định là 5.624.083.652 đồng. Trong đó tiền lãi đóng dư từ ngày 10/6/2015 đến ngày 30/4/2017 của số tiền vốn 5.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 là 150.380.027 đồng. Tiền lãi đóng dư của khoản vay từ ngày 11/6/2009 đến ngày 29/01/2016, vay nhiều lần với tổng tiền gốc là 111.047.000.000 đồng là 5.473.703.625 đồng.

Tại phiên tòa, anh Tr là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Huỳnh Ngọc H có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố và kháng cáo đối với yêu cầu bà V và chị Ng liên đới trả số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất quy định của khoản vay từ ngày 11/6/2009 đến ngày 29/01/2016, vay nhiều lần với tổng tiền gốc là 111.047.000.000 đồng là 5.473.703.625 đồng. Xét thấy

việc bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện và nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299 và khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với số tiền lãi 5.473.703.625 đồng. Anh Tr, chị H vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với số tiền 5.473.703.625 đồng là 113.473.703 đồng.

Xét tiền lãi đóng dư từ ngày 10/6/2015 đến ngày 30/4/2017 của số tiền vốn 5.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 là 150.380.027 đồng. Xét thấy chị H, anh Tr cho rằng số tiền vốn 5.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/3/2016 là tiền anh, chị chuyển nhượng căn nhà và đất của bà V tại số 49, Trần Thị Nhượng nhưng không được bà V thừa nhận đây là tiền chuyển nhượng nhà và đất. Hơn nữa anh Tr và chị H cũng không có chứng cứ chứng minh đây là tiền chuyển nhượng đất đã đóng lãi dư là 150.380.027 đồng. Ngoài ra hợp đồng chuyển nhượng các bên đã thực hiện xong vào ngày 16/5/2017. Do đó yêu cầu này của anh Tr, chị H là không có căn cứ để chấp nhận do không có căn cứ chứng minh.

[2.2] Đối với số tiền 960.000.000 đồng mà anh Tr và chị H đã gửi cho bà V. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr, chị H xin rút lại kháng cáo đối với số tiền 960.000.000 đồng vì cấp sơ thẩm anh chưa khởi kiện.

Xét thấy tại cấp sơ thẩm anh Tr, chị H không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà V, chị Ng liên đới trả cho anh, chị số tiền 960.000.000 đồng nên Tòa án sơ thẩm chưa xem xét giải quyết. Sau khi sơ thẩm xét xử, anh Tr, chị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết đối với số tiền này là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr, chị H xin rút kháng cáo đối với số tiền 960.000.000 đồng và việc rút kháng cáo của anh Tr, chị H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và chị Ng về việc yêu cầu anh Tr và chị H liên đới trả cho bà V và chị Ng số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng).

Số tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng là bao gồm: khoản vay theo giấy mượn tiền ngày 24/5/2016, Tờ thế chấp tài sản ngày 22/9/2016 và tiền lãi của khoản vay 500.000.000 đồng ngày 22/9/2016.

Theo giấy mượn tiền ngày 24/5/2016, thể hiện ngày 15/2/2016 chị H có vay của bà V số tiền 2.125.800.000 đồng, không tính lãi, thời hạn trả tiền là 12 tháng tính từ ngày 15/2/2016, mục đích vay là để làm vốn mua bán thịt heo tại chợ Nông sản. Đến hạn chị H không trả thì phải chịu lãi suất 3%/tháng. Xét thấy tại biên bản đối chất ngày 18/5/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm chị H, anh Tr thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền này là của chị H và có sự chứng kiến của bà Phan Thu Th (bạn của bà V). Chị H, bà V đều thừa nhận đây là biên nhận chốt lại các khoản vay của chị H từ năm 2009 đến năm 2016 và các khoản vay này có trong cuốn sổ do chị H cung cấp. Ngoài ra, bà V và chị H cũng không xác định được số tiền 2.125.800.000 đồng có bao nhiêu tiền gốc và tiền

lãi. Bà V cũng thừa nhận cuốn sổ do chị H cung cấp là cuốn sổ gốc của bà V, có chữ viết của bà V và chị H. Tuy nhiên chị H cho rằng chị đã trả xong số tiền 2.125.800.000 đồng này cho bà V nhưng chị H không có chứng cứ chứng minh và cũng không được bà V thừa nhận đã trả xong. Hơn nữa chị H thừa nhận đây là các khoản vay để làm vốn kinh doanh thịt heo và sử dụng chung trong gia đình nên Tòa án sơ thẩm buộc chị H và anh Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V, chị Ng số tiền gốc **2.125.800.000 đồng** và tiền lãi là **2.227.866.744 đồng** là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Theo tờ thế chấp tài sản ngày 22/9/2016, chị H và anh Tr thừa nhận có ký tên vào tờ thế chấp này và có thế chấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc H và giấy phép kinh doanh Chung Hữu Tr để vay của bà V, chị Ng số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 22/9/2018, mục đích vay để làm vốn mua bán. Hai giấy phép đăng ký kinh doanh hiện nay do bà V, chị Ng giữ. Tuy nhiên, chị H, anh Tr cho rằng anh, chị đã trả xong 300.000.000 đồng này cho bà V, chị Ng nên không đồng ý theo yêu cầu của bà V, chị Ng. Nhưng bà V không thừa nhận chị H, anh Tr đã trả xong khoản vay này mà chị H, anh Tr từ khi vay đến nay bà V, chị Ng thừa nhận anh Tr, chị H chỉ trả được cho bà V, chị Ng số tiền vốn 220.000.000 đồng, còn nợ lại vốn 80.000.000 đồng nên bà V, chị Ng chưa trả lại giấy phép kinh doanh cho chị H và anh Tr. Xét lời trình bày của bà V, chị Ng là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H, anh Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V, chị Ng số tiền vốn vay là **80.000.000 đồng** và tiền lãi **40.061.333 đồng** là có căn cứ chấp nhận.

Ngày 22/9/2016, chị H, anh Tr thừa nhận có vay của bà V, chị Ng số tiền 500.000.000 đồng (không có biên nhận), lãi suất thỏa thuận 167.000đồng/ngày và có thế chấp giấy chứng quyền sử dụng đất thửa 26, tờ bản đồ số 9, diện tích 37,4m² đất tọa lạc tại Phường 2, thành phố C của anh Tr và chị H. Bà V, chị H, anh Tr đều thừa nhận anh Tr, chị H trả đến ngày 20/5/2019 thì ngưng không trả tiếp. Đối với khoản vay này, bà V thừa nhận anh Tr, chị H đã trả được 218.036.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng tiền vốn, tiền lãi 18.036.000 đồng, nhưng bà V đồng ý trừ tiền lãi vào tiền vốn), anh Tr và chị H còn nợ tiền vốn bà V là 281.964.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Tr, chị H thừa nhận và tự nguyện trả cho bà V, chị Ng số tiền vốn còn thiếu là 281.964.000 đồng. Nhưng chị H, anh Tr không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà V, chị Ng từ ngày 21/5/2019 đến ngày 19/5/2022 là 168.189.646 đồng. Xét thấy, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 167.000đồng/ngày và có đóng lãi đến ngày 20/5/2019 và từ ngày 20/5/2019 đến nay chị H, anh Tr không có đóng lãi cho bà V, chị Ng nên bà V, chị Ng yêu cầu chị H, anh Tr tiếp tục trả lãi từ ngày 21/5/2019 đến ngày 19/5/2022 là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án sơ thẩm buộc anh Tr, chị H liên đới trả tiền lãi từ ngày 21/5/2019 đến ngày 19/5/2022 là 168.189.646 đồng là đúng quy định pháp luật. Tổng cộng lãi do bà V, chị Ng yêu cầu gồm: 2.227.866.744 đồng + 40.061.333 đồng + 168.189.646 đồng = 2.436.117.723 đồng.

[3] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và chị Ng về việc yêu cầu anh Tr và

chị H liên đới trả cho bà V, chị Ng số tiền 4.641.917.723 đồng (Trong đó tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là 2.436.117.723 đồng) là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của anh Tr, chị H. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr, chị H tự nguyện rút một phần yêu cầu phản tố nên cần sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tr, chị H rút một phần yêu cầu phản tố nên mỗi người phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, Điều 299 và khoản 1, 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 440, 463 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh Tr, chị H yêu cầu bà V, chị Ng liên đới trả số tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất quy định của khoản vay nhiều lần (từ ngày 11/6/2009 đến ngày 29/01/2016 tiền vốn tổng cộng là 111.047.000.000 đồng) là 5.473.703.625 (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Ngọc H, anh Chung Hữu Tr.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng.

2. Chị H và anh Tr liên đới trả cho bà V và chị Ng số tiền gốc là 281.964.000 (Hai trăm tám mươi một triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng (chị H, anh Tr tự nguyện).

3. Buộc chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr liên đới trả cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng số tiền gốc là 2.205.800.000 đồng và tiền lãi là

2.436.117.723 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr phải liên đới trả cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng là 4.923.881.723 (Bốn tỷ chín trăm hai mươi ba triệu tám trăm tám mươi một nghìn bảy trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng yêu cầu chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr liên đới trả số tiền gốc và lãi là 6.033.066.667 (Sáu tỷ không trăm ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp giữa bà Bùi Tuyết V, chị Thái Như Ng và anh Chung Hữu Tr, chị Huỳnh Ngọc H xác lập ngày 22/9/2016.

Chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích đất 37,4m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Kèm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ngày 14/2/2020).

Bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng có trách nhiệm giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 087986 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 14/10/2016 cho bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 51A8010738, ngày 25/3/2014 để thi hành quyết định trên.

6. Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc H và anh Chung Hữu Tr yêu cầu bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng liên đới trả số tiền lãi 150.380.027 (Một trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi bảy) đồng.

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.732.000 đồng. Do yêu cầu của bà V, chị Ng được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí. Bà V, chị Ng đã nộp tạm ứng nên chị H và anh Tr phải trả lại cho bà V và chị Ng số tiền là 1.366.000 (Một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Tuyết V và chị Thái Như Ng phải liên đới chịu tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền là 114.033.066 đồng và số tiền 300.000

đồng do yêu cầu của bị đơn được chấp nhận nhưng được khấu trừ và số tiền 58.631.000 đồng bà V và chị Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007991, ngày 16/12/2019. Bà V và chị Ng phải nộp thêm số tiền là 55.702.066 đồng.

Anh Tr và chị H phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và đối với yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận số tiền là 118.547.965 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền anh Tr và chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007491 ngày 24/12/2020 số tiền 300.000 đồng, biên lai thu số 0017379, ngày 16/7/2021 số tiền 3.760.000 đồng và biên lai thu số 0004758, ngày 06/10/2021 số tiền 56.761.146 đồng. Chị H và anh Tr phải nộp thêm số tiền là 57.726.819 đồng.

9. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Huỳnh Ngọc H, anh Chung Hữu Tr mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005725 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA Tòa án Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành